Vikki Digital Bank Securities

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Thứ Hai, 02 Tháng Mười Một 2026

Dữ liệu thị trường ngày 02/11/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.710,72	250,55
Thay đổi (điểm)	-30,9	-2,19
Thay đổi (%)	-1,77	-0,87
KLGD (triệu cp)	877	72
GTGD (tỷ đồng)	18.577	934

NĐT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	-523,23	*(tỷ đồng)*
HNX	71,01	*(tỷ đồng)*
UPCOM	-0,98	*(tỷ đồng)*

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

VIC, VJC,TMS, BSI,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VCB, VPB, BID, VHM,...

LÀN SÓNG XẢ HÀNG KÉO VN-INDEX BỐC HƠI HƠN 30 ĐIỂM, CỔ PHIẾU VIC ĐƠN ĐỘC GÁNH CHỈ SỐ

Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 02/11, sắc đỏ tiếp tục bao phủ diện rộng với sự xuất hiện của lực cung xả hàng quy mô lớn. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về bên bán khi số lượng mã giảm đạt 564 mã, gấp 4 lần so với mã tăng. Công nghệ thông tin (-4,57%) dẫn đầu nhóm có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường khi mã FPT (-4,74%) lao dốc với tổng giá trị giao dịch là 626 tỷ đồng. Nguyên vật liệu (-4,35%) ghi nhận nhịp điều chỉnh sâu trước áp lực xả hàng ở hai nhóm vốn hóa lớn là Hóa chất (-4,88%) và Khai khoáng & Luyện kim (-4,53%), tiêu biểu là mã HPG (-2,86%), GVR (giảm sàn 6,88%), MSR (-7,37%). Tài chính cũng vận động cùng xu hướng chung khi hiệu suất ngành giảm 2,76%, đối diện với làn sóng chốt lời tại nhóm Ngân hàng như VCB (-4,8%), BID (-4,19%), VPB (-6,1%). Chứng khoán và Bảo hiểm cũng đồng loạt hạ nhiệt. Trong bối cảnh đó, Bất động sản (-0,39%) là ngành có mức điều chỉnh nhẹ nhất nhờ sự nâng đỡ từ mã trụ VIC (+0,41%). Kết phiên, VN-Index giảm 30,9 điểm (-1,77%) và đóng cửa ở mức 1.710,72 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường đạt 18.577 tỷ đồng, tăng 26,61% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền bắt đáy đã chấp nhận tham gia ở vùng giá thấp hơn. Khối ngoại duy trì bán ròng với tổng giá trị đạt 453,2 tỷ đồng, tập trung bán mạnh các mã MBB (182 tỷ đồng), VCB (155 tỷ đồng), ACB (117 tỷ đồng). Trái lại, các mã được mua vào mạnh nhất là MSN (90 tỷ đồng), VIX (40 tỷ đồng), SHS (31 tỷ đồng).

Thị trường đang có xu hướng vận động theo kịch bản thận trọng đã được đề cập trong **Chiến lược giao dịch tuần 45-2026** *(Chi tiết)*, *nhà đầu tư có thể tham khảo* để lên phương án giao dịch cho phù hợp.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, DGW, VPB, GMD, MBB, DXP.



Danh sách khuyến nghị tháng 10.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	82.000	70.000
CTG	32.500	28.000
DHC	42.000	36.700
DGW	52.500	44.500
VPB	25.500	21.800
GMD	85.000	74.000
MBB	21.000	18.000
DXP	16.000	13.800

Danh sách công bố ngày 05/10/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
CTD	25/09/2026	≈ 58.500	≈62.000 – 68.000	< 51.000	67.000	23/10/2026	+14,53%	Chốt lời
FRT	30/09/2026	≈ 144.000	≈ 157.000 – 1720.000	< 130.000			+2,56%	Nắm giữ

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Doanh thu T8 tăng 29% YoY, tốc độ tăng cải thiện (T7: +17% YoY; T6: +20% YoY), doanh thu/cửa hàng tăng 30% YoY, với các mảng điện thoại và laptop tích cực, lũy kế 8T.2026 tăng 29% YoY. Mảng BHX, Doanh thu T8 tăng 11% MoM và tăng 55% YoY, lũy kế 8T2026 tăng 32% YoY, mở ròng 1.053 cửa hàng trong 8T26 và đạt 3.612 cửa hàng.	05/10/2026	74.400	82.000	70.000	10,2%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng cuối T7 đạt 5,6% YTD, Q3 kỳ vọng 7%. CTG tăng trưởng tín dụng chọn lọc, tập trung cho sản xuất, kinh doanh, cùng với hiệu quả kiểm soát chi phí, NIM đã cải thiện quý thứ 4 liên tiếp, định giá rẻ với P/b 1,1 và ROE >20%.	05/10/2026	29.650	32.500	28.000	9,6%
DHC	- KQKD Q3 tích cực, được hỗ trợ bởi giá bình quân tăng 12%, bù đắp giá OCC đầu vào có thể chịu sức ép những tháng cuối năm nhu cầu cao. Tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong nước tiếp tục hỗ trợ cho giá giấy bao bì, trong tháng 7, sản xuất trong nước đạt 586,7 nghìn tấn trong khi tiêu dùng 681,5 nghìn tấn.	05/10/2026	38.550	42.000	36.700	8,9%
DGW	- Sơ bộ Q3.2026, doanh thu đạt 10.757 tỷ đồng, tăng 46%, cao nhất lịch sử; doanh thu 9 tháng đạt hơn 26.500 tỷ đồng, tăng 42%. Office Equipment tăng 101%, Mobile Phone tăng 42%, Laptop & Tablet hơn 20%, Consumer Goods 32%, Industrial Supply đạt 330 tỷ đồng, tăng 146%, nhờ bổ sung dầu nhờn Shell.	05/10/2026	47.400	52.500	44.500	10,8%
VPB	- Ngày 24/9 VPB đã chia cổ tức với tỷ lệ 100:26, kỳ vọng cột mốc kế tiếp là hoạt động phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược diễn ra đầu 2027. Tăng trưởng tín dụng được dẫn dắt bởi cho vay chủ đầu tư bất động sản, trong khi huy động được hỗ trợ bởi các khoản huy động từ quốc tế. Môi trường lãi suất cao là yếu tố rủi ro cần theo dõi liên quan chất lượng tài sản.	05/10/2026	23.000	25.500	21.800	10,9%
GMD	- Sản lượng Nam Đình Vũ trong Q2 đạt 342k teus, tăng 4% so với quý trước và giảm 12% so với cùng kỳ, kỳ vọng quý 3 tiếp tục cải thiện với mức tăng 5% so với Q3, trong khi Gemalink tiếp tục hoạt động hiệu quả 600k teus và tăng 4% so với quý 2. Lợi nhuận Q3 khoảng 750 tỷ, tăng 73% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh so với Q2 do không có khoản lãi bất thường.	05/10/2026	77.800	85.000	74.000	9,3%
MBB	- Tăng trưởng tín dụng Q3 ước tính 20% YTD, mảng bất động sản tiếp tục dẫn dắt. Áp lực huy động gia tăng đáng kể về các tháng cuối năm, có thể khiến NIM thu hẹp.	05/10/2026	19.150	21.000	18.000	9,7%
DXP	- KQKD Q2 với doanh thu tăng 22% QoQ và 31% YoY nhờ vào (1) giá nhựa đường tăng 15-20% QoQ, (2) sản lượng thông qua cảng +13% QoQ, và (3) doanh thu từ vận tải. Bước sang Q3, tất cả các trụ cột của DXP đều duy trì sự tích cực.	05/10/2026	14.500	16.000	13.800	10,3%

***Danh mục T10.2026* so với *T09.2026*, chúng tôi loại BMP và SSI, trong khi thêm mới DXP và DGW, giữ nguyên MWG, CTG, DHC, MBB, VPB, GMD.** *Thị Trong giai đoạn từ 4/9 đến hết phiên 5/10, VNIndex giảm gần 5,4%, khối ngoại cũng bắt đầu bán ròng mạnh hơn về dần cuối tháng, và chúng tôi cũng cơ cấu lại danh mục trong một tháng có nhiều sự kiện. Chúng tôi loại SSI do nhận thấy thanh khoản thị trường xuống thấp và dự báo tháng 10 còn nhiều biến động. Loại BMP do diễn biến giá cổ phiếu đi ngang khá lâu, giá hạt nhựa PVC quý 3 cao hơn cũng cần thận trọng để theo dõi kết quả Q3, dù bảng cân đối BMP lành mạnh. Thêm mới DGW, đây là cổ phiếu đã từng xuất hiện ở Danh mục tháng 6, kết quả sơ bộ Q3 mạnh mẽ với doanh thu tăng 46% YoY nhờ sự đóng góp của hầu hết các mảng phân phối chính, DGW cũng kì vọng quý 4 tiếp tục khả quan nhờ nhu cầu mua sắm cuối năm và xu hướng đầu tư vào AI, trung tâm dữ liệu; ngoài ra, vào đầu tháng 9, Cty TNHH Creatted Future có liên quan đến ông Đoàn Hồng Việt đã hoàn tất mua 2 triệu cp DGW, đây là lần đầu tiên trong 10 năm qua nhóm cổ đông lớn liên quan đến lãnh đạo đăng ký mua với lượng lớn, và khối ngoại mua ròng 309 tỷ trong Tháng 9. Thêm mới DXP, cty kinh doanh ở 3 mảng đang trên đà tăng tốc, Mảng Nhựa đường với việc giá nhựa đường duy trì mức cao trong Q3 nhờ nhu cầu xây dựng hạ tầng, và chúng tôi nhận thấy trên BCTC Q2 xuất hiện khoản mục Trả trước cho người bán Q2 gần 82 tỷ so với 7 tỷ vào đầu năm mà chúng tôi cho là khoản tiền đặt cọc để mua nhựa đường thô từ Tratimex; Mảng Cảng biển với việc DXP đang nắm thị phần dẫn đầu về cảng hàng rời nội địa và XNK, việc chuyển dần sang hàng rời XNK giúp tăng biên lợi nhuận; Mảng vận tải với đóng góp của 2 tàu 14.000 DWT khai thác vào tháng 10.2025 và 04.2026, kỳ vọng kết quả kinh doanh Q3.2026 gấp 2,2-2,5 lần Q3 cùng kỳ do sản lượng tháng 7 và 8 cảng biển tăng mạnh. Nhóm ngân với các cổ phiếu VPB, MBB và CTG hưởng lợi chung từ việc thay đổi LDR từ 85% lên mức 95%. Đối với CTG sau thời gian dài giảm giá, vùng định giá cho thấy phù hợp với nhà đầu tư dài hạn nhiều hơn, mức định giá và hiệu suất ROE tốt nhất nhóm ngân hàng quốc doanh. Đối với VPB và MBB, room tín dụng cao hơn và việc nhu cầu vốn cho hạ tầng, xây dựng, các chủ đầu tư bất động sản tiếp tục giúp các ngân hàng tăng trưởng cho vay, tuy nhiên cần theo dõi chất lượng tài sản, VPB với cổ đông chiến lược và bán vốn cho nước ngoài là chất xúc tác trong dài hạn, trong khi MBB với hệ sinh thái gần 40 triệu khách hàng trên nền tảng số giúp gia tăng dư địa trong việc bán chéo nhiều sản phẩm trong tương lai. Sau báo cáo của GSO VN về GDP quý 3, với sự tăng trưởng bứt phá về Công nghiệp, Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh với tháng 9 trở lại thặng dư thương mại, và giải ngân đầu tư công T9 tăng 31,5% YoY-cao nhất kể từ đầu năm, chúng tôi lựa chọn danh mục với các cổ phiếu thuộc nhóm cảng biển, bán lẻ, giấy để tận dụng xu hướng này, đồng thời ưu tiên với những cổ phiếu có kết quả kinh doanh quý 3 khả quan và khả năng duy trì tăng trưởng tích cực sang Q4. Như đã đề cập ở Danh mục tháng 9, chúng tôi cho rằng tháng 10 tiếp tục là tháng biến động, khi ở bên ngoài là cuộc bầu cử giữa kỳ của Mỹ vào 03/11, và trong nước là VN bước vào kỳ họp Quốc hội. Thống kê cũng cho thấy Vnindex tháng 10 là một trong các tháng biến động nhất trong năm, nhưng cũng đồng thời mở ra cơ hội cho nhịp tăng mới kéo dài từ cuối năm này sang đầu năm tới. Vì vậy chúng tôi cho rằng cơ cấu danh mục hợp lý, quản trị rủi ro cho các kịch bản biến động, đồng thời tận dụng nhịp giảm sâu là cơ hội.*

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Từ 1/11/2026, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng giảm về 0% và giá bán lẻ điện bình quân giảm 2%, còn 2.159,9 đồng/kWh, góp phần giảm chi phí đầu vào và kiểm soát lạm phát. Lũy kế 10 tháng, kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu vượt 1.000 tỷ USD (+), tháng 10 xuất siêu 6,8 tỷ USD, thu hẹp nhập siêu 10 tháng còn 12,7 tỷ USD. Chính phủ tiếp tục trình Quốc hội các dự án luật nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, tháo gỡ điểm nghẽn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh. Tại Diễn đàn Kinh tế Mùa thu 2026, TP.HCM công bố 12 dự án với tổng vốn hơn 13 tỷ USD; Trung tâm Tài chính quốc tế ghi nhận 2,7 tỷ USD vốn cam kết giai đoạn 2026–2027. Đáng chú ý, Việt Nam và Ba Lan nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược, mở rộng hợp tác thương mại, đầu tư và công nghệ.

ACV: Lợi nhuận quý 3/2026 giảm 35%: Doanh thu thuần đạt 6.066 tỷ đồng (-6% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 2.078 tỷ đồng (-35% YoY), thấp nhất kể từ năm 2023. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp từ 62% xuống 47%; doanh thu tài chính giảm hơn 50%, trong khi chi phí tài chính tăng gần 5 lần lên 196 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 19.226 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 8.730 tỷ đồng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đạt 47.376 tỷ đồng, trong đó Long Thành giai đoạn 1 chiếm 44.128 tỷ đồng (93%).

VSC: Lợi nhuận Q3/2026 giảm 61% do chi phí tài chính tăng mạnh. Doanh thu thuần đạt 935 tỷ đồng (+11% YoY), lợi nhuận gộp tăng 22% lên 389 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 38% lên 42%. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng 184% lên 291 tỷ đồng, chủ yếu do lãi vay 161 tỷ đồng, khiến LNST chỉ đạt 45 tỷ đồng (-61%). Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 2.656 tỷ đồng (+14% YoY), LNST 358 tỷ đồng (-4% YoY), hoàn thành 59% kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm. Cuối Q3, tổng tài sản đạt 16.882 tỷ đồng (+30% YTD); danh mục chứng khoán kinh doanh gần 2.697 tỷ đồng, tập trung vào GEX (1.488 tỷ), EIB (486 tỷ), VIX (291 tỷ) và PET (279 tỷ). Khoản đầu tư PET tạm lãi khoảng 148 tỷ đồng.

STB: Sacombank bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Kiều Anh làm Quyền Tổng giám đốc từ 2/11, thay ông Loic Faussier sau gần 4 tháng đương nhiệm. Bà Kiều Anh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng. Ông Faussier chuyển sang làm cố vấn cấp cao HĐQT. Việc thay đổi nhân sự nhằm đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu ngân hàng.

CTG: ghi nhận TOI 9T2026 đạt 80.100 tỷ đồng (+25,5% YoY), LNTT đạt 39.557 tỷ đồng (+33,9%). Riêng quý 3, LNTT đạt 13.689 tỷ đồng (+29% YoY), dù chi phí dự phòng tăng 33% lên 7.780 tỷ đồng. Động lực chính đến từ NII tăng 27,7% và NOII tăng 18,4%; trong đó thu nhập phí dịch vụ tăng 42,5%, thu hồi nợ đã xử lý đạt 6.900 tỷ đồng. NIM 9T đạt 2,94% (+39 điểm cơ bản), nợ xấu duy trì 1,20%, LLR cải thiện lên 160%. Tín dụng tăng 7,5% từ đầu năm, thấp hơn toàn ngành, trong khi huy động tăng 8,4%.

MBB: ghi nhận TOI 9T2026 đạt 59.000 tỷ đồng (+22% YoY), LNTT đạt 30.517 tỷ đồng (+32%), hoàn thành 77% kế hoạch năm. Riêng quý 3, LNTT đạt 10.330 tỷ đồng (+42%), nhờ NII tăng 37% và hiệu quả hoạt động tích cực; CIR duy trì thấp ở mức 26,3%. Tín dụng tăng 18,8% từ đầu năm, trong đó cho vay bất động sản tăng 48%; NIM 9T đạt 3,95%. Tuy nhiên, NOII giảm 16% do thu nhập ngoại hối, chứng khoán và thu hồi nợ suy giảm. Chất lượng tài sản chịu áp lực khi nợ xấu tăng lên 1,67%, nợ nhóm 2 đạt 1,32%, LLR giảm còn 84,7%; chi phí dự phòng quý 3 tăng 38% lên 5.241 tỷ đồng.

PC1: Quý 3/2026, doanh thu thuần đạt 2.619 tỷ đồng (-20% YoY), nhưng lợi nhuận gộp tăng 6% lên 724 tỷ đồng nhờ giá vốn giảm 27%, đưa biên lợi nhuận gộp từ 21% lên 28%. Lợi nhuận sau thuế đạt 416 tỷ đồng (+6% YoY), tuy nhiên lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ giảm 14% còn 258 tỷ đồng. Kết quả được hỗ trợ bởi dự án bất động sản Tháp Vàng và cổ tức từ công ty con, liên kết. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 6.825 tỷ đồng (-15% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 894 tỷ đồng (+27% YoY), trong đó lợi nhuận công ty mẹ đạt 569 tỷ đồng (+14%).

GMD: Quý 3, Doanh thu đạt 2.210 tỷ đồng (+42% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS đạt 444 tỷ đồng (+41%YoY), nhưng lợi nhuận cốt lõi chỉ đạt 436 tỷ đồng (+9% YoY). Biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm mạnh còn 31,8% do chi phí thuê ngoài tăng 83% YoY lên 1.207 tỷ đồng. Mảng cảng chịu áp lực từ sản lượng Nam Đình Vũ giảm 10% YoY, trong khi Gemalink duy trì tăng trưởng thông lượng 23% YoY. Mảng logistics tăng trưởng mạnh nhờ hợp nhất doanh nghiệp mới. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 5.424 tỷ đồng (+25%), LNST đạt 2.102 tỷ đồng (+81%).

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1+2+3.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINIDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINIDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINIDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4+5+6.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINIDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 - 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 *(*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINIDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINIDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 - 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7+8+9.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026 *(*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINIDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4.15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		

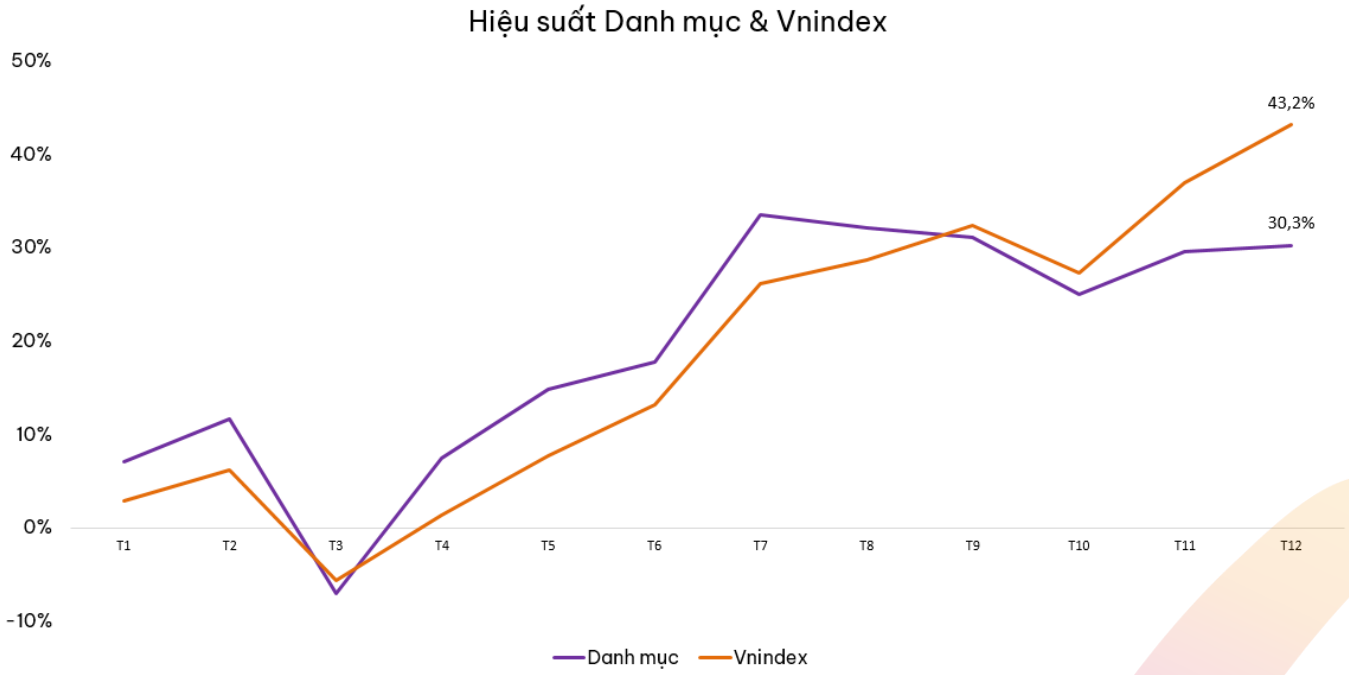
Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026 *(*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900
SSI*	**10/08/2026**	**25.100**	**04/09/2026**	**21.050**	**4,42%**	**19.400-21.750**
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300
MBB*	**10/08/2026**	**24.250**	**04/09/2026**	**20.550**	**1,73%**	**19.850-21.200**
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900
VNINIDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/08 - 04/09					-0,32%	

Danh sách khuyến nghị tháng 09.2026 *(*) DHC và VPB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	04/09/2026	73.100	05/10/2026	74.400	1,78%	68.600-74.400
CTG	04/09/2026	31.400	05/10/2026	29.650	-5,57%	29.600-31.700
DHC	04/09/2026	35.700	05/10/2026	38.550	10,64%	34.250-39.000
SSI	**04/09/2026**	**21.050**	**05/10/2026**	**19.650**	**-6,65%**	**19.600-21.650**
VPB	04/09/2026	27.800	05/10/2026	23.000	4,24%	21.300-23.600
GMD	04/09/2026	77.400	05/10/2026	77.800	0,52%	73.500-79.200
MBB	**04/09/2026**	**20.550**	**05/10/2026**	**19.150**	**-6,81%**	**19.100-20.600**
BMP	04/09/2026	143.000	05/10/2026	142.500	-0,35%	138.000-147.600
VNINDEX	04/09/2026	1.853,1	05/10/2026	1.753,2	-5,39%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 04/09 – 05/10					-0,28%	

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt số tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

Danh sách khuyến nghị tháng 1 (13/01)
Danh sách khuyến nghị tháng 2 (07/02)
Danh sách khuyến nghị tháng 3 (07/03)
Danh sách khuyến nghị tháng 4 (09/04)
Danh sách khuyến nghị tháng 5 (07/05)
Danh sách khuyến nghị tháng 6 (06/06)
Danh sách khuyến nghị tháng 7 (07/07)
Danh sách khuyến nghị tháng 8 (08/08)
Danh sách khuyến nghị tháng 9 (08/09)
Danh sách khuyến nghị tháng 10 (07/10)
Danh sách khuyến nghị tháng 11 (07/11)
Danh sách khuyến nghị tháng 12 (08/12)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBanks cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyến cáo mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBanks và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBanks thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBanks không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBanks. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBanks. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.